

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Phạm Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thu T; ĐKKHKT: Thôn 8, T, xã L, huyện V, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã VT, huyện V, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ; địa chỉ: Thôn 8, T, xã L, huyện V, thành phố H; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Đỗ Văn B (Bố đẻ của chị Đỗ Thu T); địa chỉ: Thôn 2, xã VT, huyện V, thành phố H; có mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu H và bà Phạm Thị L (Bố, mẹ đẻ của anh Nguyễn Hữu Đ); địa chỉ: Thôn 8, T, xã L, huyện V, thành phố H; ông Nguyễn Hữu H có mặt, bà

Phạm Thị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-3-2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thu T trình bày:

Chị T và anh Đ kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, về tính cách và chị T nghi ngờ anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác như vợ chồng nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi và không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau từ năm 2019. Nay, chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Hữu Đức Thịnh, sinh ngày 24-5-2017. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hữu Đức Thịnh cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ xác nhận việc kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng giữa anh Đ và chị T có phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Nay chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Đ không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có một con là Nguyễn Hữu Đức Thịnh, sinh ngày 24-5-2017 hiện nay đang sống cùng anh Đ và bố mẹ đẻ của anh Đ tại Thôn 8, T, xã L, huyện V, thành phố H. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Đỗ Thu T được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ. Về con chung: Giao con Nguyễn Hữu Đức Thịnh, sinh ngày 24-5-2017 cho chị Đỗ Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng bà Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và trước đó bà L đã có lời khai trực tiếp với Toà án. Căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thu T kết hôn với anh Nguyễn Hữu Đ trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 11-5-2017. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng giữa Chị và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về tính cách và chị T nghi ngờ anh Đ có quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau từ năm 2019 đến nay. Về phía anh Đ, cũng thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng sống ly thân anh Đ cũng có đến gia đình nhà ngoại thăm vợ con nhưng chị T không về. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh Đ xác nhận không còn tình cảm với chị T nhưng không đồng ý ly hôn và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, cả chị T và anh Đ đều không có thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn giữa vợ và chồng. Qua đó, có căn cứ cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thúy và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù

hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con là Nguyễn Hữu Đức Thịnh, sinh ngày 24-5-2017. Trường hợp ly hôn, chị T và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Xét thấy, hiện nay cả chị T và anh Đ đều làm công nhân có thu nhập ổn định và có chỗ ở để đảm bảo cuộc sống, có khả năng nuôi dưỡng con. Chị T cho rằng từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2019, Chị có nguyện vọng đưa con Nguyễn Hữu Đức Thịnh về gia đình nhà ngoại sinh sống nhưng anh Đ đã ngăn cản không cho Chị mang con theo. Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng chị T vẫn thường xuyên qua lại gia đình nhà anh Đ để thăm nom, chăm sóc con chung nhưng anh Đ đã nhiều lần cản trở không cho chị T thăm nom con. Cụ thể, ngày 24-5-2020 chị T về thăm con đã bị anh Đ đánh gây thương tích. Do vậy, chị T đã làm đơn tố cáo anh Đ về hành vi cố ý gây thương tích cho Chị ra Công an xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo. Trong khi đó, anh Đ cũng thừa nhận đã có hành vi gây thương tích cho chị T vào ngày 24-5-2020 tại nhà anh Đ khi chị T về thăm nom con cho nên, anh Đ đã bị Công an xã Lý Học xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích cho chị T với số tiền phạt là 1.360.000 đồng. Như vậy, anh Đ đã cản trở nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên của chị T. Thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, cần giao con Nguyễn Hữu Đức Thịnh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.1] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Thúy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thu T được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.
2. Về con chung: Giao con Nguyễn Hữu Đức Thịnh, sinh ngày 24-5-2017 cho chị Đỗ Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017540 ngày 24-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã L, huyện V;
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Hữu Hoàng